

OLIVIER BOBINEAU, SÉBASTIEN TANK-STORPER. **Xã hội học tôn giáo**. H.: Thế giới, 2012, 164 tr., Vb 50736.

Nội dung sách nghiên cứu khảo sát nhằm trả lời cho câu hỏi mang tính nền tảng của tư duy xã hội học về những mối liên hệ giữa tính tôn giáo và tính hiện đại, từ các tác giả “kinh điển” cho tới những phát triển gần đây nhất. Sách gồm ba phần (6 chương).

Phần thứ nhất: *Những cách tiếp cận*, giới thiệu về các nhà khoa học - các tác giả kinh điển nổi bật nhất, mà tác phẩm của họ tiếp tục thấm đẫm các công trình nghiên cứu thời sự nhất, là Emile Durkheim (chương I) và Max Weber (chương II).

Phần thứ hai: *Hướng tới một thế giới trần tục hóa*, bàn về mối quan hệ giữa tôn giáo và tính hiện đại được đổi mới bắt đầu từ những năm 1960 qua các lý thuyết gọi là “trần tục hóa” và “thế tục hóa” (chương III) và làm sáng tỏ tính thích đáng của các lý thuyết trần tục hóa bằng những sự kiện được quan sát tại thực địa, thông qua đó đánh giá lại giả thiết về sự mất đi của tính tôn giáo nhờ một cách tiếp cận phức tạp hơn với các từ ngữ tan rã - tái tạo lại của các tín ngưỡng tôn giáo (chương IV).

Phần thứ ba: *Logic hiện tại của tính tôn giáo*, nghiên cứu những dạng thức tình cảm tôn giáo hiện nay, bao gồm mô tả ba xu hướng nổi bật về “lòng tin của người đương thời” (chương V) và đi tìm câu trả lời cho câu hỏi “tính di động của tôn giáo cá nhân” (chương VI).

HÀ LINH

TRẦN TRỌNG DƯƠNG. **Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua các bản dịch Khóa hư lục**. H.: Từ điển bách khoa, 2012, 355 tr., Vb 50737.

Khóa hư lục là tác phẩm Phật học của vua Trần Thái Tông (1218-1277), được hai lần phiên dịch sang chữ Nôm (tiếng Việt). *Khóa hư lục* lần đầu được giải nghĩa do thiền sư, y sư Tuệ Tĩnh (đoán định khoảng vào thời Trần) thực hiện và lần thứ hai được giải âm do hòa thượng Phúc Điền (1784-1863) thực hiện. Nội dung sách nghiên cứu lịch sử phát triển chữ Nôm và tiếng Việt qua hai bản dịch tác phẩm *Khóa hư lục*, từ đó nghiên cứu đặc điểm và tiêu chí ngôn ngữ của hai cách dịch là giải nghĩa và giải âm, để đưa ra một số nhận xét về lịch sử dịch kinh điển tôn giáo ở Việt Nam thời trung đại. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 khảo cứu về các hệ bản *Khóa hư lục*, trong đó phần quan trọng nhất của chương là xác định thời điểm hoàn thành bản giải nghĩa *Khóa hư lục* của thiền sư Tuệ Tĩnh từ các chứng tích về ngôn ngữ và văn tự.

Chương 2 nghiên cứu chữ Nôm qua các văn bản *Thiền tông khóa hư ngữ lục* và *Khóa hư quốc âm* được thực hiện với những thao tác thống kê, so sánh, phân loại cấu trúc chữ Nôm qua *Thiền tông khoa hư ngữ lục* và *Khóa hư quốc âm*, từ đó đưa ra những nhận xét về sự vận động của các loại cấu trúc chữ Nôm.

Chương 3 nghiên cứu tiếng Việt qua các văn bản *Thiền tông khóa hư ngữ lục* và *Khóa hư quốc âm* dựa trên việc nghiên cứu các từ Việt cổ, hư từ, đưa ra các số liệu thống kê về từ vựng qua hai bản giải nghĩa và giải âm, từ đó có

những nhận xét về sự khác nhau giữa hai phương pháp giải âm và giải nghĩa.

KHÁNH VÂN

NHIỀU TÁC GIẢ. Xung đột trên biển Đông không còn là nguy cơ tiềm ẩn.
H.: Tri thức, 2012, 314 tr., Vv 11624.

Là một tuyến hàng hải quan trọng và có nguồn tài nguyên biển (dầu khí, thủy sản) phong phú, biển Đông đã trở thành mục tiêu tranh chấp liên tục trong suốt hơn nửa thế kỷ qua, đặc biệt gay gắt trong những năm gần đây. Chính vì thế, sự kiện này tất yếu gây ra những mối quan ngại sâu sắc đối với nhiều nước và quốc tế. Những động thái và yêu sách của một số quốc gia, nhất là yêu sách đường chữ U (đường lưỡi bò) phi lý của Trung Quốc, đã phương hại đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, quốc gia có hơn 3.000 km bờ biển chạy dọc biển Đông.

Nội dung sách là tuyển tập các bài viết từ tập tài liệu của ông Hồng Lê Thọ cùng nhóm Bauvinal và thân hữu, trong đó nổi rõ là sự trỗi dậy của Trung Quốc và thế trận quyền lực tại khu vực Đông Á - Thái Bình Dương.

Hầu hết các bài viết của những nhà nghiên cứu trong cuốn sách này đều có sự chú ý đặc biệt về Trung Quốc với chiến lược phát triển hàng hải và sự lớn mạnh nhanh chóng của hải quân nước này. Có thể nói, thực hiện điều đó, Trung Quốc nhằm vào việc dùng lực lượng hải quân như phương tiện rắn đe chính trị. Trong tình trạng tranh chấp giữa Trung Quốc với các vùng lãnh thổ và nước láng giềng thì Hải quân Trung Quốc phát triển nhanh chóng vô tình làm dấy lên một lo ngại về xung đột có thể xảy ra trong tương lai. Một số tác giả đã phân tích và chỉ ra những chứng cứ lịch sử chứng minh một Trung Quốc

hiếu chiến và cơ hội, và khả năng dựng độ ở biển Đông là có thể.

Bên cạnh đó, một số bài viết phân tích, các nước lớn đang lần lượt nhảy vào biển Đông, không chỉ là những quốc gia có lợi ích trực tiếp, mà xét một cách lâu dài, nếu đường lưỡi bò bị hiện thực hóa thì các cường quốc bị phụ thuộc vào con đường giao thương trên biển sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Một mặt, phải giữ mối quan hệ hòa hảo trong hợp tác kinh tế với Trung Quốc, mặt khác, những nước lớn như Mỹ, Nhật, Ấn Độ... cũng đang phải ngay ngáy tìm giải pháp kìm hãm sự trỗi dậy trước khát vọng siêu cường của Trung Quốc. Bàn cờ biển Đông không còn là của riêng ai, làm sao để cân bằng quyền lực trong khu vực, tuy nhiên, vấn đề tranh chấp vẫn phải dựa vào sức mình để tự giải quyết. Bởi, không có đồng minh nào là vĩnh cửu - chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn.

KHÁNH HÀ

HOÀNG CHÍ BẢO, ĐOÀN MINH HUẤN (đồng chủ biên). **Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội hiện nay vận dụng cho Việt Nam** (Sách chuyên khảo). H.: Chính trị quốc gia, 2012, Vb 50713, 536 tr.

Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước (KX.02/06-06-10), gồm tập thể tác giả là các nhà khoa học thuộc nhiều cơ quan khoa học khác nhau. Với cách tiếp cận khái niệm “xã hội” theo nghĩa hẹp nhưng không tách rời với khái niệm “xã hội” theo nghĩa rộng, cuốn sách đã làm rõ tính đa chiều của phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam. Nội dung sách gồm 5 chương.

Chương 1 trình bày phương pháp luận nghiên cứu về phát triển xã hội và

quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới.

Chương 2 nêu lên những vấn đề lý luận về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội.

Chương 3 khảo cứu mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của một số nước và định chế quốc tế.

Chương 4 tổng kết, đánh giá thành tựu lý luận về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam qua 25 năm đổi mới (1986-2010).

Chương 5 đưa ra quan điểm và giải pháp hoàn thiện lý luận về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

MQ.

LÊ QUỐC LÝ (chủ biên). **Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp** (Sách chuyên khảo). H.: Chính trị quốc gia, 2012, Vb 50710, 304 tr.

Chính sách xóa đói, giảm nghèo của nước ta giai đoạn 2001-2010 đã đạt được những thành tựu hết sức ấn tượng, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức và bất cập cần phải được giải quyết trong xóa đói, giảm nghèo thời gian tới là không nhỏ. Trong bối cảnh như vậy, việc đổi mới và hoàn thiện chính sách xóa đói, giảm nghèo càng trở nên cần thiết.

Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học của nhiều cơ quan phối hợp thực hiện nhằm luận giải một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo (chương 1), những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xóa đói, giảm nghèo (chương 2), phân tích thực trạng đói nghèo ở Việt Nam (chương 3) và chính sách xóa đói giảm nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001-

2010 (chương 4), nêu lên một số chương trình xóa đói, giảm nghèo điển hình của Việt Nam thời gian qua (chương 5). Trên cơ sở đánh giá tổng quát thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001-2010 thông qua những thành tựu, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (chương 6), từ đó đưa ra định hướng và mục tiêu xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới (chương 7) cũng như một số cơ chế nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam (chương 8), giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn tới (chương 9).

HN.

ĐẶNG ĐÌNH HÀO, NGUYỄN ĐÌNH HIỀN (đồng chủ biên). **Một số vấn đề về phát triển bền vững: Hệ thống logistics ở nước ta trong hội nhập quốc tế** (Sách chuyên khảo). H.: Lao động - Xã hội, 2013, 359 tr., Vb 50730.

Hệ thống logistics thực hiện tối ưu hóa quá trình phân phối và lưu thông hàng hóa trên thị trường, theo nhiều chiều, nhiều hướng. Trong nền kinh tế quốc dân, hệ thống logistics là tổng thể khung thể chế pháp lý, cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp logistics, các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ logistics và nguồn nhân lực có một vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hội nhập của nền kinh tế. Góp phần trong việc hiện thực hóa triển khai hệ thống logistics ở nước ta, nội dung sách là nghiên cứu có hệ thống từ lý thuyết đến thực nghiệm về vấn đề này. Sách gồm 5 chương.

Chương 1 trình bày tổng quan về hệ thống logistics: lược sử phát triển, khái niệm, vai trò, các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển hệ thống logistics quốc gia,...

Chương 2 khái quát về hội nhập quốc tế và những cơ hội, thách thức đối với hệ thống logistics ở nước ta.

Chương 3 phân tích thực trạng phát triển hệ thống logistics ở nước ta và một số vấn đề đặt ra trong phát triển hệ thống logistics.

Chương 4 đưa ra các giải pháp nhằm phát triển hệ thống logistics ở nước ta thời gian tới.

Chương 5 giới thiệu một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển hệ thống logistics (Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore và Thailand).

LINH CHI

PHAN THỊ MAI HƯƠNG (chủ biên). **Nghiên cứu khía cạnh tâm lý xã hội của cộng đồng cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa.** H.: Từ điển Bách khoa, 2013, Vb 50738, 384 tr.

Đô thị hóa, về bản chất là quá trình chuyển đổi từ nông thôn truyền thống sang đô thị hiện đại. Trong bối cảnh hiện nay, đô thị hóa mang đến những triển vọng, nhưng cũng đầy thách thức với con người cũng như xã hội. Những bất cập trong các diễn biến xã hội về quan hệ người-người, người-nghề, con người-xã hội, cũng như trong công tác quản lý xã hội tại các khu vực đô thị hóa đã đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu về con người và đời sống tâm lý của họ. Nghiên cứu về tâm lý của nông dân, nhóm xã hội lớn nhất, trước sự biến đổi xã hội là cần thiết để góp phần hiểu hơn về tâm lý của nhóm xã hội lớn này, đồng thời tìm hiểu ảnh hưởng của các quá trình xã hội đến đặc điểm tâm lý con người. Sách gồm 8 chương.

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về tác động của đô thị hóa (nước ngoài, trong nước).

Chương 2: Một số lý luận về những vấn đề tâm lý xã hội của cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa.

Chương 3: Hệ giá trị và định hướng hệ giá trị của cư dân nông thôn hiện nay trong bối cảnh đô thị hóa: Những đặc trưng văn hóa nông thôn truyền thống chi phối hệ giá trị và định hướng hệ giá trị của nông dân; Hệ giá trị hiện nay của cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa: Định hướng giá trị nghề và việc làm hiện nay; Định hướng giá trị/giá trị sống xã hội hiện nay.

Chương 4: Sự thích ứng của cư dân nông thôn với những biến đổi nghề nghiệp-việc làm trong bối cảnh đô thị hóa.

Chương 5: Sự thích ứng của cư dân nông thôn với những biến đổi về lối sống từ văn hóa nông thôn sang văn hóa đô thị trong bối cảnh đô thị hóa.

Chương 6: Giao tiếp và quan hệ liên cá nhân ở cộng đồng cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa.

Chương 7: Thái độ sống và tâm trạng của cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa.

TV.

DOÃN CHÍNH, CAO XUÂN LONG. **Tư tưởng Phan Bội Châu về con người.** H.: Chính trị quốc gia, 2013, Vb 50734, 384 tr.

Phan Bội Châu không chỉ là nhà văn, nhà thơ, nhà yêu nước mà còn là nhà tư tưởng, nhà triết học, xã hội học... Trên lĩnh vực tư tưởng, ông là người có tư tưởng tiến bộ ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống kinh tế xã hội và là tư tưởng tiêu biểu cho một giai đoạn lịch sử đầy biến động ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Thế giới quan và nhân sinh quan của ông được thể hiện một cách hệ thống, sâu sắc trên

nhiều lĩnh vực, đặc biệt là quan điểm của ông về con người. Tư tưởng của ông về con người có giá trị thiết thực không chỉ về mặt lý luận mà còn có giá trị về mặt thực tiễn trong việc phát triển nhân tố con người giai đoạn hiện nay. Cuốn sách đi sâu nghiên cứu hạt nhân tư tưởng của Phan Bội Châu - tư tưởng về con người, từ đó có thể hiểu rõ hơn triết lý giải phóng dân tộc của ông. Nội dung sách gồm 3 chương.

Chương 1 phân tích *những điều kiện và tiền đề hình thành, phát triển tư tưởng của Phan Bội Châu về con người*.

Chương 2 làm rõ *quá trình hình thành, phát triển và nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Phan Bội Châu về con người* qua ba giai đoạn. Trên cơ sở đó, trình bày những nội dung cơ bản trong tư tưởng của ông về con người trên các phương diện: nguồn gốc, kết cấu, vị trí, vai trò, nhân cách, đạo đức, giáo dục và vấn đề giải phóng con người; được thể hiện trên ba góc độ: triết học, chính trị - xã hội và văn hóa đạo đức.

Chương 3 rút ra những *giá trị, hạn chế và ý nghĩa lịch sử trong tư tưởng của Phan Bội Châu về con người*.

TH.

ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG, VIÊN THẾ GIANG (đồng chủ biên). **Pháp luật về giám sát tài chính ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn**. H.: Chính trị quốc gia, 2013, Vb 50742, 316 tr.

Giám sát thị trường tài chính có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm phát triển an toàn và bền vững thị trường tài chính. Thị trường tài chính Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện không

chỉ về số lượng, quy mô, cơ chế vận hành mà còn cả thể chế pháp lý. Việc lựa chọn mô hình giám sát tài chính phù hợp là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển thị trường tài chính ổn định, có đủ khả năng ngăn ngừa rủi ro, khả năng dự báo và ngăn chặn nguy cơ xấu từ diễn biến của thị trường tài chính, đặc biệt trong điều kiện xảy ra khủng hoảng tài chính. Cuốn sách hệ thống hóa các nội dung lý luận về giám sát tài chính, pháp luật về giám sát tài chính; đánh giá thực trạng quy định pháp luật giám sát các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm làm tiền đề cho việc nghiên cứu, làm rõ xu hướng phát triển của pháp luật về giám sát tài chính trong điều kiện hiện nay. Sách gồm 5 chương.

Chương 1 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về giám sát tài chính trên cơ sở tổng quan về giám sát tài chính, đề cập đến những đặc điểm, nội dung và xu hướng phát triển của pháp luật về giám sát tài chính trong mối quan hệ tương quan với việc lựa chọn mô hình giám sát tài chính ở Việt Nam

Chương 2 phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về tổ chức hệ thống giám sát tài chính ở Việt Nam dựa trên các mô hình giám sát tài chính của thế giới và mô hình tổ chức hệ thống giám sát tài chính ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp góp phần đổi mới, hoàn thiện hệ thống giám sát tài chính ở Việt Nam.

Chương 3, 4 và 5 đề cập đến hệ thống pháp luật về giám sát ngân hàng, thị trường chứng khoán, và hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

QT.